

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Chương trình giải quyết việc làm tỉnh Bình Định
giai đoạn 2016-2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Bộ Luật lao động ngày 18/6/2012;
Căn cứ Luật Việc làm ngày 16/11/2013;
Căn cứ Nghị quyết số 73/NQ-CP ngày 26/8/2016 của Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;
Căn cứ Quyết định số 71/2009/QĐ-TTg ngày 29/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ các huyện nghèo đẩy mạnh xuất khẩu lao động góp phần giảm nghèo bền vững giai đoạn 2009-2020;
Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 168/TTr-SLĐTBXH ngày 30/5/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình giải quyết việc làm tỉnh Bình Định giai đoạn 2016-2020.

Điều 2. Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung, công việc tại Chương trình kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Bộ CHQS tỉnh, Bộ CHBĐBP tỉnh;
- Báo, Đài PT&TH Bình Định;
- Chi nhánh NHCSXH tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu VT, K20. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

CHƯƠNG TRÌNH

Giải quyết việc làm tỉnh Bình Định giai đoạn 2016-2020

(Kèm theo Quyết định số 1985/QĐ-UBND ngày 02/6/2017 của UBND tỉnh)

PHẦN I

TÌNH HÌNH LAO ĐỘNG VÀ GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

I. TÌNH HÌNH CHUNG VỀ LAO ĐỘNG - VIỆC LÀM

Đến cuối năm 2015, toàn tỉnh có khoảng 5.000 doanh nghiệp đang hoạt động (trong đó có trên 80% doanh nghiệp vừa và nhỏ) thuộc các loại hình doanh nghiệp, 204 hợp tác xã, 54 làng nghề, 84 trang trại, 03 khu công nghiệp, 01 Khu kinh tế, 42 cụm công nghiệp, hàng năm thu hút từ 10.000 - 15.000 lao động vào làm việc.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

1. Dự án phát triển thị trường lao động

Giai đoạn 2011-2015, các hoạt động hỗ trợ phát triển thị trường lao động từ Chương trình mục tiêu quốc gia về việc làm được triển khai một cách đồng bộ và hiệu quả với kinh phí thực hiện cả giai đoạn là 8.557 triệu đồng.

Bình quân hàng năm, Trung tâm Dịch vụ việc làm Bình Định đã tổ chức thành công 24 phiên giao dịch việc làm cố định tại địa điểm văn phòng trung tâm, 04 điểm vệ tinh và 12 phiên lưu động tại các huyện, thị xã, thành phố. Kết quả, tổng số người được tư vấn, tuyên truyền việc làm hàng năm khoảng 15.000 lượt người; số lao động được sơ tuyển tại sàn giao dịch từ 2.000 - 2.500 lao động; có 1.500 lượt doanh nghiệp tham gia giao dịch, trong đó có 250 - 300 lượt doanh nghiệp trực tiếp tham gia tuyển dụng lao động tại sàn giao dịch, số còn lại ủy quyền cho Trung tâm tuyển dụng. Hệ thống dịch vụ việc làm của tỉnh hàng năm đã tư vấn nghề, việc làm từ 25.000 - 30.000 lượt người; cung ứng và giới thiệu việc làm cho khoảng 3.000 người.

Thông qua các phiên giao dịch việc làm và Website Trung tâm Dịch vụ việc làm đã thông tin về nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp; tuyển sinh của các trường, cơ sở đào tạo nghề đến với người lao động thường xuyên, đầy đủ hơn. Người lao động được tư vấn giới thiệu việc làm, học nghề nhiều hơn qua đó từng bước nâng cao hiệu quả kết nối cung - cầu lao động.

Với kinh phí được bố trí khoảng 600 triệu đồng/năm, tỉnh đã tổ chức thu

thập, cập nhật thông tin cung - cầu lao động, góp phần hoàn thiện cơ sở dữ liệu về thị trường lao động.

2. Dự án vốn vay giải quyết việc làm

Đến năm 2015, tổng nguồn vốn cho vay giải quyết việc làm của tỉnh là 80.910 triệu đồng được phân bổ cho các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội thực hiện cho vay đối với cơ sở sản xuất kinh doanh và hộ gia đình, với số tiền bình quân hàng năm khoảng 40 tỷ đồng, tạo việc làm cho từ 2.500 - 3.000 lao động mỗi năm.

Kết quả thu nợ các dự án đạt kế hoạch. Tỷ lệ nợ quá hạn trên tổng số dư nợ được khống chế ở mức thấp, khoảng 0,5%.

Nguồn vốn cho vay đã ổn định việc làm và tăng thời gian làm việc cho các hộ gia đình vay vốn; tạo thêm việc làm mới và đạt hiệu quả kinh tế ở các dự án. Ngoài ra việc vay vốn để đầu tư vào sản xuất, chăn nuôi, làm dịch vụ cũng đem lại nhiều lợi ích kinh tế cho hàng ngàn hộ vay vốn, tăng thu nhập và ổn định đời sống cho người dân.

3. Dự án hỗ trợ đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài

Cùng với việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm cho người lao động trong tỉnh, tỉnh rất quan tâm đến công tác tuyên truyền, vận động người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài. Bên cạnh các chính sách của Nhà nước, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành nhiều chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động tham gia đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, theo đó đã mở rộng thêm đối tượng thụ hưởng đối với người lao động có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Nội dung, chính sách hỗ trợ theo quy định của Nhà nước.

Kết quả, giai đoạn 2011 - 2015, các đơn vị tham gia xuất khẩu lao động đã đưa 1.815 lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng, trong đó có 172 lao động thuộc các huyện nghèo. Thị trường các nước lao động đến làm việc: Nhật Bản 407 lao động, Hàn Quốc 267 lao động, Malaysia 162 lao động, Đài Loan 13 lao động, Lào 632 lao động, Campuchia 195 lao động và nước khác như Hà Lan, Quata, UAE...: 139 lao động.

Số lao động này được giải quyết việc làm, vừa nâng cao trình độ chuyên môn, đồng thời cũng tăng thu ngoại tệ cho tỉnh, góp phần tích cực vào việc thực hiện chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh.

Tổng hợp chung, trong 05 năm (2011-2015) đã giải quyết việc làm cho 126.352 lao động, bình quân 25.270 người/năm đạt tỷ lệ 101%, đạt chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII đề ra (mỗi năm từ 25.000 - 30.000 người). Cơ cấu lao động đến cuối năm 2015: nông - lâm - ngư nghiệp: 51,2%; công nghiệp - xây dựng: 21,2% và thương mại - dịch vụ: 27,6%. Tỷ lệ lao động thất nghiệp khu vực thành thị của tỉnh chiếm 3,9%.

4. Hoạt động nâng cao năng lực, truyền thông và giám sát, đánh giá Chương trình mục tiêu quốc gia về việc làm - dạy nghề

a) Nâng cao năng lực cán bộ Quản lý Nhà nước về lao động - việc làm

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã phối hợp với các ngành liên quan tổ chức mỗi năm từ 01 - 02 lớp tập huấn nâng cao năng lực quản lý lao động - việc làm cho trên 200 cán bộ là lãnh đạo, chuyên viên của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên, Hội phụ nữ huyện, thị xã, thành phố và lãnh đạo, cán bộ Lao động - Xã hội, Xã đoàn, Hội nông dân, Hội phụ nữ của các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.

b) Truyền thông về lao động - việc làm và dạy nghề:

Hàng năm, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội đều ký chương trình phối hợp với Tạp chí Lao động - Xã hội, Báo Bình Định, Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về lao động - việc làm, dạy nghề và thông tin thị trường lao động nhằm nâng cao nhận thức, hiểu biết của người lao động, người sử dụng lao động và các cá nhân, tổ chức liên quan đồng thời tăng cường kết nối cung - cầu lao động.

c) Hoạt động giám sát, đánh giá:

- Sở Lao động-Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh hàng năm đều tổ chức các chương trình giám sát việc tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia về việc làm - Dạy nghề tại các huyện, thị xã, thành phố và tiến hành giám sát việc thực hiện tổ chức triển khai thực hiện Quyết định số 71/2009/QĐ-TTg ngày 29/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ tại 3 huyện nghèo của tỉnh để giải quyết các vướng mắc, chấn chỉnh các sai sót, đồng thời đề xuất những sửa đổi, bổ sung về cơ chế, chính sách cho phù hợp trong năm tới.

- Hướng dẫn Ban Chỉ đạo Giải quyết việc làm các huyện, thị xã, thành phố tổ chức giám sát, đánh giá việc thực hiện các chỉ tiêu, nội dung của Chương trình tại địa phương và báo cáo kết quả theo quy định.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

Nhận thức của các cấp, các ngành và xã hội về giải quyết việc làm và phát triển thị trường lao động được nâng lên; người lao động ngày càng chủ động tự tạo việc làm cho bản thân và cộng đồng, góp phần ổn định về an sinh xã hội của địa phương.

Chương trình giải quyết việc làm được các sở, ngành của tỉnh và các địa phương quan tâm thực hiện, các mục tiêu, chỉ tiêu giai đoạn 2011 - 2015 đều đạt và vượt kế hoạch, góp phần quan trọng vào sự ổn định và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Dự án vay vốn tạo việc làm đã góp phần thực hiện tốt Chương trình giải quyết việc làm của tỉnh trong những năm qua, tạo nhiều việc làm, chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng tích cực, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống của người lao động, góp phần xóa đói giảm nghèo, khôi phục và phát triển các làng nghề, ngành nghề truyền thống, tạo cơ hội cho nhóm lao động yếu thế có cơ hội vay vốn phát triển sản xuất kinh doanh, tự tạo việc làm cho bản thân để vươn lên hoà nhập với cộng đồng.

Sản giao dịch việc làm đã tăng tần suất và chất lượng phiên giao dịch; thông

qua các phiên giao dịch việc làm từng bước phát triển thị trường lao động, tạo cơ hội cho người lao động, người sử dụng lao động và các cơ sở đào tạo tiếp cận về thông tin thị trường đầy đủ hơn; tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động trong việc học nghề và tìm kiếm việc làm.

Công tác điều tra, thu thập, cập nhật thông tin cung - cầu lao động đã cung cấp cho các ngành, các cấp nhiều số liệu quan trọng để làm cơ sở cho công tác hoạch định chính sách, xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực, hướng nghiệp, đào tạo nghề gắn với tạo việc làm cho người lao động của các địa phương, đồng thời góp phần quan trọng trong việc hoàn chỉnh cơ sở dữ liệu về thị trường lao động.

2. Tồn tại, hạn chế

Việc làm của người lao động chưa thật sự bền vững, còn phụ thuộc nhiều vào yếu tố thời vụ.

Phần lớn các dự án cho vay giải quyết việc làm thuộc lĩnh vực nông nghiệp (chiếm khoảng 70% tổng số dự án), đối tượng vay chủ yếu là hộ gia đình, các cơ sở sản xuất - kinh doanh được vay vốn rất ít nên chủ yếu tăng thời gian làm việc, chưa tạo được nhiều chỗ việc làm mới.

Cơ cấu lao động của tỉnh chuyển dịch chậm, lực lượng lao động thuộc khu vực nông thôn còn chiếm tỷ trọng lớn, chưa đáp ứng với yêu cầu, mục tiêu, nhiệm vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

Chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh chưa cao, chưa đồng đều. Đội ngũ nhân lực chất lượng cao thiếu hụt nghiêm trọng, đặc biệt trong một số lĩnh vực đòi hỏi trình độ chuyên môn sâu như: y tế, pháp luật, khoa học và công nghệ, công nghệ thông tin,... tỷ lệ lao động qua đào tạo có chứng chỉ nghề còn thấp (khoảng 18% -20%), năng suất lao động thấp (chỉ bằng 80% so với trung bình cả nước).

Số lượng lao động đi xuất khẩu lao động hàng năm còn ít, chưa thật sự tương xứng với tiềm năng của tỉnh.

Hoạt động của Sàn giao dịch việc làm và các điểm giao dịch vệ tinh đã được cải thiện đáng kể về tần suất và đã lập ở khu vực nông thôn, miền núi và các huyện nghèo của tỉnh, tuy nhiên, người lao động tham gia tại các phiên giao dịch còn ít, mặt khác, tỷ lệ lao động có việc làm thông qua các phiên giao dịch việc làm còn thấp.

Khả năng cạnh tranh về chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh so với trong nước và các nước khu vực còn thấp.

3. Nguyên nhân

a) Nguyên nhân chủ quan

- Còn một số cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương chưa tập trung chỉ đạo sâu sát, quyết liệt công tác giải quyết việc làm, nhất là trong công tác xuất khẩu lao động.

- Công tác thu hút đầu tư của tỉnh còn nhiều hạn chế, số doanh nghiệp thành lập mới có tăng nhưng chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ; việc khai thác, phát triển kinh tế biển của tỉnh được đầu tư chưa hiệu quả và tương xứng với tiềm năng.

- Sự phối hợp giữa các ngành, các cấp trong lĩnh vực giải quyết việc làm và xuất khẩu lao động chưa thật sự đồng bộ, chặt chẽ, nhất là trong công tác vận động người lao động thực hiện đúng hợp đồng lao động, về nước đúng hạn.

- Công tác tư vấn, định hướng nghề nghiệp cho học sinh, sinh viên còn nhiều bất cập.

- Công tác liên kết với các vùng, các tỉnh khác để lựa chọn những đơn vị, doanh nghiệp có thu nhập cao, điều kiện làm việc, ăn, ở tốt và có nhu cầu tuyển dụng, sử dụng lao động của tỉnh nhà chưa được thực hiện.

- Đội ngũ cán bộ thu thập, xử lý và cung cấp thông tin thị trường lao động còn yếu và thiếu, hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật, đặc biệt là trang thiết bị thông tin, tỉnh chưa có phần mềm khai thác cơ sở dữ liệu cung - cầu lao động.

- Chất lượng đào tạo, ngành nghề đào tạo chưa gắn kết được với thị trường lao động (đa số các sinh viên tốt nghiệp cao đẳng, đại học có ngành nghề kế toán, quản trị kinh doanh, tài chính,..).

b) Nguyên nhân khách quan

- Nền kinh tế của tỉnh vẫn còn tiếp tục đương đầu với những khó khăn, thách thức nhất định do ảnh hưởng tác động của các yếu tố trong nước và quốc tế, tăng trưởng kinh tế chưa cao, gây khó khăn trong công tác giải quyết việc làm.

- Chất lượng doanh nghiệp của tỉnh còn nhiều hạn chế, yếu kém. Doanh nghiệp hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh phần lớn có quy mô nhỏ và siêu nhỏ, năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp trong tỉnh còn yếu cả về công nghệ, vốn và trình độ quản lý; công nghiệp của tỉnh trong những năm qua phát triển chưa bền vững, chủ yếu là công nghiệp khai khoáng và một số ngành mang tính thời vụ cao như ngành chế biến gỗ ngoài trời.

- Phần lớn người lao động của tỉnh (đặc biệt là thanh niên) chưa có tác phong công nghiệp, ý thức kỷ luật lao động chưa nghiêm, còn tâm lý sợ rủi ro, ngại đi xa. Một bộ phận người lao động vẫn còn tư tưởng ỷ lại về chính sách giảm nghèo của Nhà nước, chưa thực sự vươn lên thoát nghèo, một số người lao động trước khi đi xuất khẩu lao động có ảo tưởng lớn, không quen thì bỏ về,...

PHẦN II

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ CÁC GIẢI PHÁP GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM TỈNH BÌNH ĐỊNH GIAI ĐOẠN 2016-2020

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Sự cần thiết xây dựng Chương trình

Giai đoạn 2016 - 2020, dự báo sẽ thu hút khoảng 140.000 - 160.000 lao động. Nhu cầu lao động dự kiến tăng mạnh trong giai đoạn triển khai các dự án FDI và ổn định sau khi các dự án FDI đi vào hoạt động; đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh có trên 7.500 doanh nghiệp, tạo thêm từ 72.000 - 75.000 chỗ việc làm mới; các chương trình

phát triển kinh tế - xã hội thu hút khoảng 48.000 - 60.000 người; cho vay giải quyết việc làm từ 10.000 - 12.500 lao động; lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng từ 2.000 - 2.500 lao động; lao động đi làm việc ngoài tỉnh từ 8.000 - 10.000 lao động.

Bên cạnh đó, năm 2015 Cộng đồng kinh tế ASEAN được hình thành. Về lĩnh vực lao động, một trong những thỏa thuận quan trọng giữa các thành viên AEC là việc công nhận lẫn nhau tự do di chuyển và quyền tự do làm việc tại các nước trong 8 lĩnh vực ngành nghề. Theo đó, khi thị trường lao động của nước ta hội nhập với các nước trong khu vực và quốc tế, đồng nghĩa người lao động trong nước phải gặp khó khăn khi phải cạnh tranh với lực lượng lao động được đào tạo và có tay nghề cao di chuyển từ các thị trường lao động khác. Mặc khác, bằng cấp cao, chuyên môn giỏi chưa phải là yếu tố quyết định trong quá trình xin việc, mà vấn đề là phải phù hợp với yêu cầu của nhà tuyển dụng.

Từ dự báo về cung - cầu lao động cho thấy trong 5 năm tới vẫn còn mất cân đối giữa cung và cầu lao động (nguồn cung lao động của tỉnh lớn hơn khả năng thu hút lao động làm việc trong tỉnh, đi làm việc ngoài tỉnh và xuất khẩu lao động), dẫn đến tình trạng còn một bộ phận người lao động không có việc làm. Sự gia tăng dân số và lực lượng lao động cùng với tình trạng thất nghiệp tạo nên sức ép lớn trong vấn đề giải quyết việc làm cho người lao động, đặc biệt là việc làm chất lượng cao, ổn định.

Để phát huy hiệu quả những kết quả đạt được của Chương trình giải quyết việc làm giai đoạn 2011 - 2015 và bổ sung, điều chỉnh các dự án, hoạt động cũng như cơ chế, chính sách thực hiện các dự án, hoạt động theo hướng hiệu quả, lồng ghép, việc xây dựng Chương trình giải quyết việc làm của tỉnh giai đoạn 2016 - 2020 là rất cần thiết, nhằm cụ thể hoá Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về giải quyết việc làm cho người lao động, giảm dần tình trạng thất nghiệp, góp phần cân đối mối quan hệ cung - cầu lao động trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, ổn định và nâng cao đời sống nhân dân.

2. Căn cứ pháp lý

Bộ Luật lao động ngày 18/6/2012;

Luật Việc làm ngày 16/11/2013;

Nghị quyết số 73/NQ-CP ngày 26/8/2016 của Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư các Chương trình mục tiêu giai đoạn 2016 - 2020;

Quyết định số 71/2009/QĐ-TTg ngày 29/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ các huyện nghèo đẩy mạnh xuất khẩu lao động góp phần giảm nghèo bền vững giai đoạn 2009 - 2020.

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Bình Định lần thứ XIX nhiệm kỳ 2015-2020.

II. QUAN ĐIỂM

Giải quyết việc làm là trách nhiệm của Đảng, Nhà nước, của tỉnh và của toàn dân. Tỉnh có chính sách phát triển kinh tế - xã hội nhằm tạo việc làm cho người lao động, xác định mục tiêu giải quyết việc làm trong chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

Giải quyết việc làm cho người lao động là việc làm có ý nghĩa lớn về kinh tế - chính trị và ổn định xã hội, là vấn đề vừa mang tính cấp bách, vừa mang tính lâu dài trong việc thực hiện mục tiêu đến năm 2020, tỉnh ta cơ bản trở thành một tỉnh công nghiệp.

Gắn thực hiện chương trình giải quyết việc làm với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và thực hiện việc lồng ghép với các chương trình mục tiêu khác trên cùng một địa bàn.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Giải quyết việc làm cho người lao động nhằm khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế về nguồn lao động ở địa phương phục vụ cho quá trình tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, nâng cao đời sống của người dân, góp phần giảm nghèo bền vững, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội và giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội của tỉnh.

Phát triển nguồn nhân lực, nâng cao năng suất lao động thông qua Chương trình giải quyết việc làm là động lực, mục tiêu chuyển dịch cơ cấu lao động góp phần xây dựng nông thôn mới, tái cơ cấu ngành nông nghiệp, đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh.

Phát triển thị trường lao động lành mạnh, ổn định; khuyến khích tạo ra nhiều việc làm tăng thêm, mở rộng và phát triển sản xuất thu hút người lao động làm việc; tăng cường kết nối cung - cầu lao động, tư vấn, cung ứng lao động đi làm việc ngoài tỉnh và đưa lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng.

2. Mục tiêu cụ thể

Giai đoạn 2016 - 2020, mỗi năm giải quyết việc làm cho 28.000 - 32.000 lao động, trong đó hỗ trợ tạo việc làm cho 2.000 - 2.500 lao động thông qua các dự án vay vốn tạo việc làm, đưa khoảng 500 lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng.

Đến năm 2020, cơ cấu lao động có việc làm: nông - lâm - ngư nghiệp chiếm 36%; công nghiệp - xây dựng chiếm 34%; dịch vụ chiếm 30%.

Hoàn thiện và hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động. Bình quân hàng năm tư vấn nghề, việc làm cho khoảng 30.000 - 32.000 lượt người, nâng tỷ lệ lao động tìm việc làm qua hệ thống trung tâm dịch vụ việc làm lên khoảng 35% và hoàn thiện cơ sở dữ liệu về thị trường lao động vào năm 2020.

Nâng cao năng lực cho cán bộ lao động - việc làm thông qua tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho khoảng 400 lượt cán bộ lao động - việc làm mỗi năm.

Đến năm 2020, tỷ lệ thất nghiệp chung: 2,5%.

IV. PHẠM VI VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Phạm vi: Chương trình được thực hiện trên phạm vi toàn tỉnh.

2. Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2016 - 2020.

V. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tạo việc làm từ phát triển kinh tế - xã hội

Giai đoạn 2016 - 2020, phần đầu giá trị tổng sản phẩm địa phương bình quân hàng năm tăng 8%; trong đó công nghiệp - xây dựng tăng 12,5%, nông - lâm - ngư nghiệp tăng 3,5%, dịch vụ tăng 6,5%. Đến năm 2020, cơ cấu kinh tế của tỉnh là: công nghiệp - xây dựng 37%; dịch vụ 35,8%; nông - lâm - ngư nghiệp 21% và thuế trừ trợ cấp sản phẩm 6,2%. Phần đầu đến năm 2020, trên địa bàn tỉnh có khoảng 7.500 doanh nghiệp hoạt động ổn định, mỗi năm tạo thêm 15.000 chỗ làm mới/năm theo Quyết định số 3058/QĐ-UBND ngày 26/8/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Bình Định.

a) Về công nghiệp:

- Phát huy hiệu quả các khu, cụm công nghiệp. Ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp có ứng dụng khoa học, công nghệ và giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường. Tăng cường phát triển một số ngành công nghiệp: may mặc, chế biến và dịch vụ nông - lâm - thủy sản để phát huy lợi thế và chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn.

- Đẩy mạnh công tác xúc tiến, thu hút đầu tư. Tạo mọi điều kiện thuận lợi để các nhà đầu tư thực hiện hoàn thành các dự án theo tiến độ và sớm triển khai các dự án đã cam kết để thúc đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa tỉnh nhà.

- Tiếp tục hỗ trợ, tạo điều kiện cho nhà đầu tư, đầu tư phát triển hệ thống các nhà máy gia công may mặc trên địa bàn tỉnh. Khuyến khích đầu tư nhà máy sản xuất các sản phẩm cao cấp từ titan, công nghiệp hóa chất, năng lượng tái tạo, điện tử, công nghệ thông tin, công nghệ sinh học. Thu hút đầu tư dự án đóng tàu cá vỏ sắt và các dự án công nghiệp nền tảng khác.

- Đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp có thế mạnh của tỉnh, như: chế biến gỗ, thức ăn chăn nuôi, chế biến nông - lâm - thủy sản, chế biến đá granit, vật liệu xây dựng, dược phẩm... Tăng cường công tác khuyến công, có chính sách hỗ trợ, thúc đẩy các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp, làng nghề phát triển.

b) Về nông - lâm - thủy sản:

- Tiếp tục chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ, vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ. Xây dựng các vùng sản xuất lúa chất lượng cao. Quy hoạch phát triển diện tích mía, ngô, sắn hợp lý để phục vụ công nghiệp chế biến. Nhân rộng các mô hình cánh đồng mẫu lớn, hình thành các vùng sản xuất lúa giống, lạc giống. Xây dựng các vùng chuyên canh hoa, cây cảnh; trồng rau an toàn theo tiêu chuẩn VietGap. Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng. Đẩy mạnh trồng rừng kết hợp với khoanh nuôi, xúc tiến tái sinh và bảo vệ rừng, đặc biệt là rừng đầu nguồn. Khuyến khích, tạo điều kiện cho doanh nghiệp và nhân dân trồng rừng nguyên liệu, rừng gỗ lớn. Tiếp tục đẩy mạnh trồng rừng cảnh quan, rừng phòng

hộ. Phát triển các vùng chăn nuôi tập trung, thâm canh theo hướng công nghiệp, bán công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao, an toàn dịch bệnh, nhằm tạo ra sản phẩm hàng hóa có chất lượng, mang tính cạnh tranh; phát triển đàn heo giống, nuôi bò thịt chất lượng cao.

- Tiếp tục phát triển thủy sản thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh. Đầu tư xây dựng Trung tâm khai thác, chế biến, dịch vụ hậu cần nghề cá tại Vĩnh Lợi (huyện Phù Mỹ), hình thành 2 trung tâm nghề cá của tỉnh tại Đê Gi (Phù Cát) và Tam Quan (Hoài Nhơn). Phát triển các nhà máy chế biến thủy hải sản đông lạnh xuất khẩu gắn với các cảng cá tại các huyện Hoài Nhơn, Phù Cát. Đầu tư nâng cấp cảng cá và khu tránh trú bão tàu thuyền Tam Quan. Đẩy mạnh nuôi trồng, khai thác và xuất khẩu thủy hải sản nhất là cá ngừ đại dương, nuôi tôm công nghệ cao. Xây dựng thương hiệu cho một số sản phẩm nông nghiệp.

- Huy động các nguồn vốn đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn. Khuyến khích tích tụ, tập trung ruộng đất; xây dựng các cánh đồng mẫu lớn, đầu tư thâm canh, áp dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ vào sản xuất, nhất là các loại giống mới có năng suất, chất lượng và hiệu quả cao; tăng cường liên kết theo chuỗi giá trị; đẩy nhanh tiến trình cơ giới hóa, hiện đại hóa sản xuất nông nghiệp. Thực hiện tốt việc lồng ghép các chương trình, dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới. Phân đấu đến cuối năm 2020, trên 50% tổng số xã trong tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới.

- Đẩy mạnh đào tạo nghề với các hình thức đa dạng, phù hợp với nhu cầu lao động của các doanh nghiệp, thị trường trong tỉnh, ngoài tỉnh và thị trường nước ngoài, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm, tăng thu nhập và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động nông thôn. Thực hiện tốt các chính sách phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và nâng cao đời sống của người dân trên địa bàn nông thôn.

c) Về thương mại - dịch vụ:

- Tiếp tục phát triển mạnh thương mại - dịch vụ; chú trọng phát triển đồng bộ hệ thống phân phối bán buôn, bán lẻ trong tỉnh. Thu hút đầu tư xây dựng các trung tâm thương mại, các cụm thương mại, dịch vụ ở các thị trấn, thị tứ, các điểm dân cư tập trung ở nông thôn. Tiếp tục hỗ trợ, khuyến khích phát triển và nâng cao chất lượng các loại hình dịch vụ: tài chính, ngân hàng, vận tải, bưu chính viễn thông, tư vấn, khoa học và công nghệ, bảo hiểm... Tập trung đầu tư phát triển các nhóm hàng xuất khẩu có lợi thế của tỉnh như: thủy hải sản, lâm sản, nông sản thực phẩm, khoáng sản tinh chế, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu dùng và các sản phẩm khác; đồng thời chú trọng phát triển các sản phẩm chế biến sâu, có hàm lượng khoa học, công nghệ và giá trị gia tăng cao để tăng nhanh giá trị xuất khẩu.

- Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh. Đầu tư, khai thác hiệu quả, bền vững các di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh... Phát triển, đa dạng hóa và nâng cao chất lượng các sản phẩm du lịch; đẩy mạnh xúc tiến, quảng bá, xây dựng thương hiệu du lịch Bình Định. Đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, nhân viên làm công tác du lịch.

2. Cho vay vốn tạo việc làm

Thực hiện có hiệu quả chính sách hỗ trợ vốn vay giải quyết việc làm cho người lao động: đổi mới, tạo cơ chế thông thoáng cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các dự án sản xuất, kinh doanh của người dân tiếp cận nguồn vốn vay ưu đãi để tăng gia sản xuất, tạo việc làm cho người lao động và tự tạo việc làm cho bản thân; tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn vốn vay ưu đãi; quản lý tốt nguồn vốn vay ưu đãi, bảo đảm vòng quay nguồn vốn, đáp ứng nhu cầu của nhiều dự án, nhiều người lao động vay vốn làm ăn.

Theo đó, tập trung vào các hoạt động chủ yếu sau:

a) Phân bổ vốn vay theo kế hoạch tạo việc làm từ Quỹ Quốc gia về việc làm và nguồn vốn từ ngân sách tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh: ưu tiên cho các huyện, thị xã, thành phố sử dụng hiệu quả nguồn vốn vay tạo việc làm, những vùng có diện tích đất nông nghiệp chuyển mục đích sử dụng để phục vụ an ninh, quốc phòng, giao thông, thủy lợi, xây dựng khu công nghiệp, cụm công nghiệp; ưu tiên các cơ sở sản xuất, kinh doanh vay vốn tạo được nhiều chỗ làm việc mới cho người lao động.

b) Cho vay ưu đãi đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh và người lao động, cho vay khởi nghiệp đối với lao động là thanh niên.

c) Xây dựng và thực hiện các mô hình tạo việc làm có hiệu quả từ nguồn vốn vay như: các hợp tác xã sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, sản xuất vật liệu xây dựng; khôi phục và phát triển các làng nghề truyền thống; lồng ghép các chương trình tổ, nhóm giúp nhau làm kinh tế của thanh niên, phụ nữ, nông dân, cựu chiến binh và người khuyết tật...

3. Hỗ trợ người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng

a) Tăng cường đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tư vấn, cung cấp thông tin, vận động người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng.

b) Bên cạnh các chính sách của Nhà nước, xây dựng các chính sách phù hợp, tạo động lực và điều kiện thuận lợi nhất nhằm khuyến khích, hỗ trợ cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài, nhất là lao động thuộc các đối tượng chính sách, lao động thuộc 03 huyện nghèo của tỉnh và lao động khu vực nông thôn, chú trọng những thị trường có thu nhập cao, ổn định, điều kiện làm việc tốt như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan....

c) Liên kết với các đơn vị có chức năng đưa người đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng tìm hiểu, mở rộng, đa dạng hóa thị trường lao động ở nước ngoài, nhất là các thị trường làm việc ổn định, thu nhập cao, tạo nhiều cơ hội cho người lao động lựa chọn, đăng ký tham gia. Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp có chức năng đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài có uy tín, đơn hàng tốt về tuyển chọn lao động trên địa bàn tỉnh; đồng thời hạn chế thấp nhất những tồn tại, vướng mắc giữa người lao động với các doanh nghiệp trong công tác đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng để người lao động an tâm tham gia.

4. Hỗ trợ người lao động hoàn thành hợp đồng lao động về nước

a) Tăng cường công tác tư vấn, giới thiệu việc làm, tư vấn lập nghiệp phù hợp với công việc mà người lao động đã làm ở nước ngoài.

b) Hỗ trợ học nghề, chuyển đổi nghề theo nhu cầu của người lao động sau khi hoàn thành hợp đồng lao động về nước.

c) Hỗ trợ cho vay vốn tạo việc làm, theo đó cần tập trung vào các thế mạnh của tỉnh như: làm trang trại, đánh bắt xa bờ, nuôi trồng thủy - hải sản, các mô hình nông nghiệp hiệu quả.

5. Hỗ trợ, khuyến khích khu vực hộ gia đình và người lao động nông thôn tự giải quyết việc làm

a) Hỗ trợ người dân về vốn vay ưu đãi với mức vay phù hợp, về đất, về đào tạo nghề, về khoa học công nghệ để chuyển sản xuất độc canh lúa sang nông nghiệp đa canh, cùng với sản xuất lúa hộ và người lao động phát triển thêm các hoạt động sản xuất “xen” hoặc kết hợp với canh tác lúa để đạt giá trị tổng thu cao trên mỗi đơn vị diện tích canh tác. Ngoài ra, cần hỗ trợ về: quy hoạch, xác định rõ và ổn định lâu dài các vùng sản xuất nông nghiệp với cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng nông nghiệp đa canh, sử dụng triệt để lợi thế sinh thái và nguồn lực tự nhiên; cung cấp cơ sở hạ tầng thiết yếu (thủy lợi, giao thông nội đồng, điện, cơ sở hạ tầng làm khô sản phẩm, đóng bao, vận chuyển...) theo quy hoạch vùng sản xuất.

b) Chuẩn bị các điều kiện và các biện pháp, sớm ban hành chính sách bảo hiểm rủi ro sản phẩm nông nghiệp.

c) Đổi mới một cách căn bản cách thức tổ chức sản xuất kinh doanh nông nghiệp theo các hướng: tập trung hóa; gia tăng việc làm và lao động trong các hoạt động dịch vụ sản xuất nông nghiệp.

d) Xây dựng các Chương trình phát triển việc làm phi nông nghiệp trong nông thôn ở các huyện, thị xã, thành phố với các dự án tạo mặt bằng để người dân phát triển việc làm khác nhau theo sự năng động sáng tạo từng địa phương.

đ) Phát triển các làng nghề truyền thống thủ công mỹ nghệ, làng nghề mới để tạo việc làm mới và việc làm truyền thống theo lợi thế từng vùng, từng địa phương.

e) Các huyện, thị xã, thành phố chủ động xây dựng chương trình hỗ trợ người lao động địa phương tự tạo việc làm tại chỗ, phát huy sáng tạo và nội lực ở từng hộ gia đình và người lao động.

6. Chính sách việc làm công

a) Thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có dự án, hoạt động thực hiện chính sách việc làm công về phạm vi, nội dung công việc cần thực hiện; chất lượng, tiến độ công việc cần đạt được và nhu cầu sử dụng lao động tham gia thực hiện chính sách việc làm công.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã lập danh sách người lao động có nhu cầu tham gia chính sách việc làm công; niêm yết công khai tại trụ sở, các nơi sinh hoạt cộng đồng và thông báo trên các phương tiện truyền thông của cấp xã, phối hợp với nhà thầu

(nếu có), các tổ chức chính trị - xã hội, đại diện cộng đồng dân cư hưởng lợi từ dự án, hoạt động thực hiện chính sách việc làm công lựa chọn người lao động tham gia chính sách việc làm công trong danh sách người lao động đăng ký tham gia theo thứ tự ưu tiên:

- Các đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 19 Luật Việc làm.
- Người lao động thuộc hộ gia đình hoạt động sản xuất nông nghiệp là chủ yếu.
- Người lao động cư trú hợp pháp tại địa phương nơi thực hiện dự án, hoạt động.

7. Hỗ trợ phát triển thị trường lao động

a) Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, nâng cao năng lực Trung tâm Dịch vụ việc làm Bình Định thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và hệ thống Trung tâm dịch vụ việc làm trên địa bàn tỉnh; tổ chức các kênh giao dịch thị trường lao động (thông tin, quảng cáo, trang tìm việc làm trên các Báo, Đài, sàn giao dịch việc làm...).

b) Tổ chức có hiệu quả các hoạt động giao dịch việc làm; kết hợp việc tổ chức giao dịch việc làm định kỳ tại Sàn giao dịch việc làm và các điểm giao dịch việc làm vệ tinh với việc tổ chức các Phiên giao dịch việc làm truyền thống (tư vấn trực tiếp) ở các xã khó khăn, các xã thuộc các huyện miền núi (An Lão, Vĩnh Thạnh, Vân Canh).

c) Tăng cường công tác chỉ đạo các huyện, thị xã, thành phố, các doanh nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh thực hiện tốt việc điều tra, thu thập, xử lý, cập nhật thông tin cung - cầu lao động; hàng năm tổ chức thu thập, cập nhật thông tin cung - cầu lao động vào cơ sở dữ liệu của tỉnh; sớm hoàn thiện cơ sở dữ liệu thị trường lao động; xây dựng phần mềm khai thác cơ sở dữ liệu cung - cầu lao động phục vụ tốt cho công tác hoạch định chính sách của các địa phương, của doanh nghiệp và người lao động để người lao động tìm kiếm được việc làm thích hợp.

d) Hình thành cơ sở dữ liệu về người lao động hoàn thành hợp đồng lao động về nước.

8. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

a) Tổ chức sắp xếp lại các cơ sở đào tạo phù hợp với từng vùng, từng khu vực, ngành nghề đào tạo; đổi mới phương pháp đào tạo, gắn kết chặt chẽ giữa lý thuyết và thực hành. Liên kết với các cơ sở đào tạo có uy tín để đào tạo nguồn nhân lực cho địa phương; thực hiện tốt công tác hướng nghiệp, dạy nghề, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho người lao động, đặc biệt là kỹ năng về tác phong làm việc công nghiệp, làm việc nhóm, giao tiếp, tiếp nhận và học hỏi, thiết lập và thực hiện mục tiêu và hoàn thiện kỹ năng ngoại ngữ.

b) Khai thác có hiệu quả các cơ sở dạy nghề hiện có; tập trung nâng cao chất lượng dạy nghề gắn với giải quyết việc làm, đáp ứng với nhu cầu của thị trường lao động, chú trọng dạy nghề theo địa chỉ tại các doanh nghiệp nhằm chuyển đổi việc làm cho người lao động, nhất là lao động nông thôn, góp phần thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới.

c) Làm tốt công tác hướng nghiệp và phân luồng sau trung học cơ sở, trung học phổ thông nhằm tạo nguồn cho đào tạo nghề, xuất khẩu lao động.

9. Nâng cao năng lực cán bộ lao động - việc làm

Tổ chức bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực quản lý về lao động, việc làm, kỹ năng tư vấn, giới thiệu việc làm và cung ứng lao động đi làm việc trong, ngoài tỉnh, đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và cộng tác viên các cấp.

10. Truyền thông về lao động - việc làm

a) Đẩy mạnh các hoạt động tăng cường công tác tuyên truyền, tư vấn cho các doanh nghiệp, người lao động về xây dựng văn hóa lao động, tác phong công nghiệp, ý thức trách nhiệm.

b) Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước về Chương trình việc làm bằng nhiều hình thức phù hợp; xây dựng các chuyên trang, chuyên mục trên hệ thống thông tin đại chúng, pano, áp phích, tờ bướm, thông qua các tổ chức chính trị - xã hội, nhằm nâng cao nhận thức của người dân về lĩnh vực phát triển kinh tế gắn với giải quyết việc làm để tạo thêm chỗ làm việc, tự tạo việc làm cho người lao động.

c) Tuyên truyền, làm thay đổi nhận thức của người lao động về việc làm, tìm kiếm việc làm phù hợp với năng lực và nhu cầu thị trường việc làm tại địa phương, tạo ra thu nhập cho bản thân và gia đình, từng bước chuyển đổi ngành, nghề phù hợp. Đồng thời, tăng cường công tác tuyên truyền, làm thay đổi nhận thức của người dân về lựa chọn nghề nghiệp.

d) Tổ chức tuyên truyền về công tác xuất khẩu lao động có tham gia báo cáo của những điển hình người lao động hoàn thành hợp đồng lao động về nước có thu nhập cao.

11. Hoạt động giám sát, đánh giá

a) Giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu về lao động - việc làm; tình hình thực hiện các dự án, hoạt động thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia về việc làm và Chương trình giải quyết việc làm của tỉnh giai đoạn 2016 - 2020; tổ chức triển khai thực hiện Quyết định số 71/2009/QĐ-TTg ngày 29/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ tại 3 huyện nghèo trên địa bàn tỉnh.

b) Phát huy đồng bộ các hệ thống giám sát, đánh giá: giám sát từ trên xuống, giám sát từ cơ sở, tự giám sát...việc giám sát, đánh giá đầu vào, đầu ra và tác động thông qua đánh giá thực hiện các hoạt động.

c) Hàng năm tổ chức hội nghị, hội thảo chuyên đề về giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động.

d) Tổng hợp, báo cáo thông tin định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Ủy ban nhân dân tỉnh.

12. Nguồn vốn và kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện, bao gồm:

a) Kinh phí từ ngân sách trung ương (Quỹ quốc gia về việc làm); ngân sách tỉnh; ngân sách các huyện, thị xã, thành phố theo phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước hiện hành;

b) Kinh phí Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp - Việc làm và an toàn lao động;

c) Kinh phí từ ngân sách tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh;

d) Kinh phí tài trợ hợp pháp khác của các tổ chức trong và ngoài nước;

đ) Các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

12. Quản lý, điều hành

Chương trình giải quyết việc làm tỉnh Bình Định giai đoạn 2016 - 2020 do Ban Chỉ đạo giải quyết việc làm - xuất khẩu lao động của tỉnh quản lý, điều hành theo Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo, có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện các nội dung của Chương trình:

a) Xây dựng kế hoạch dài hạn, ngắn hạn, nội dung hoạt động, đề ra các biện pháp để chỉ đạo các sở, ngành liên quan, các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức đoàn thể thực hiện tốt các mục tiêu giải quyết việc làm của tỉnh giai đoạn 2016 - 2020.

b) Hướng dẫn các sở, ngành liên quan, các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về giải quyết việc làm cho người lao động.

c) Kiến nghị sửa đổi, bổ sung những điểm chưa phù hợp đối với các quy định có liên quan vấn đề giải quyết việc làm; đồng thời đề xuất các chính sách, tổ chức quản lý phù hợp với đặc điểm của tỉnh nhằm đạt mục tiêu đề ra.

d) Chỉ đạo trực tiếp các dự án, hoạt động thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia về việc làm giai đoạn 2016 - 2020.

đ) Báo cáo định kỳ, đột xuất về kết quả giải quyết việc làm cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định.

e) Phối hợp với các bộ, ngành Trung ương, Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu Quốc gia về việc làm giải quyết kịp thời các vướng mắc trong việc thực hiện nhiệm vụ giải quyết việc làm ở địa phương.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình

Tên gọi: Ban Chỉ đạo Giải quyết việc làm - Xuất khẩu lao động tỉnh Bình Định (đối với cấp huyện, cấp xã tên gọi theo địa danh), thành phần như sau:

a) Cấp tỉnh

Do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập:

- Trưởng ban: Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Phó Trưởng ban: Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.
- Các thành viên: Đại diện lãnh đạo các sở, ban, ngành liên quan do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đề xuất.

b) Cấp huyện

Do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thành lập:

- Trưởng ban: Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.
- Phó Trưởng ban: Trưởng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội các huyện, thị xã, thành phố.
- Các thành viên gồm: Đại diện Lãnh đạo các phòng, ban liên quan do Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội đề xuất.

c) Cấp xã

Do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn thành lập:

- Trưởng ban: Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn.
- Các thành viên: như thành phần của cấp huyện.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan, các tổ chức chính trị - xã hội và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tham mưu giúp Ban Chỉ đạo giải quyết việc làm - xuất khẩu lao động của tỉnh tổ chức thực hiện Chương trình giải quyết việc làm tỉnh Bình Định giai đoạn 2016 - 2020.

b) Phối hợp với các sở, ngành có liên quan giúp Ban Chỉ đạo giải quyết việc làm - xuất khẩu lao động của tỉnh quản lý, sử dụng và điều hành nguồn vốn vay từ quỹ Quốc gia giải quyết việc làm có hiệu quả; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kế hoạch bổ sung kinh phí hàng năm cho Quỹ quốc gia về việc làm và lập dự toán kinh phí thực hiện chương trình giải quyết việc làm hàng năm đảm bảo mục tiêu đã được phê duyệt; phân bổ vốn cho vay giải quyết việc làm và giao chỉ tiêu việc làm tăng thêm cho các huyện, thị xã, thành phố.

c) Tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; chủ động phối hợp với các doanh nghiệp có chức năng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng để có biện pháp, cơ chế, chính sách thu hút lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

d) Phối hợp với các ngành, các cấp có liên quan duy trì, cập nhật biến động thông tin thị trường lao động: cập nhật thông tin cung lao động đến tất cả các hộ dân trên địa bàn tỉnh; cập nhật cầu lao động trong các doanh nghiệp; quy hoạch, củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống dịch vụ việc làm.

e) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tổ chức giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình; đề xuất cơ chế, chính sách, giải pháp, biện pháp liên quan đến lĩnh vực lao động - việc làm.

3. Sở Tài chính

a) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư cân đối, bố trí vốn hàng năm để triển khai thực hiện tốt các mục tiêu của Chương trình từ nguồn vốn ngân sách địa phương.

b) Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng kế hoạch phân bổ vốn cho vay hỗ trợ việc làm và giao chỉ tiêu việc làm mới cho các huyện, thị xã, thành phố; giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia về việc làm và Chương trình giải quyết việc làm.

c) Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các sở, ngành liên quan đề xuất các chính sách, giải pháp thực hiện các nhiệm vụ có liên quan đến lĩnh vực lao động - việc làm.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các đơn vị liên quan cân đối ngân sách hàng năm cho các hoạt động, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt, đồng thời đề xuất kế hoạch bổ sung nguồn vốn và phân bổ chỉ tiêu, kế hoạch kinh phí được Trung ương bố trí hàng năm cho Chương trình.

b) Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng kế hoạch phân bổ vốn cho vay giải quyết việc làm và giao chỉ tiêu việc làm tăng thêm cho các huyện, thị xã, thành phố; giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia về việc làm và Chương trình giải quyết việc làm.

c) Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các sở, ngành liên quan đề xuất các chính sách, giải pháp, cũng như việc tổ chức lồng ghép các chương trình, dự án có liên quan đến lĩnh vực lao động - việc làm.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Thực hiện và hướng dẫn xây dựng các chính sách, dự án thuộc ngành quản lý; phối hợp với các sở, ngành liên quan thực hiện các công trình cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất, phát triển nông thôn, hỗ trợ di dân ổn định cuộc sống.

b) Tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các chính sách hỗ trợ cho người dân về đất sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng nông sản và từng bước tiếp cận với sản xuất hàng hóa thông qua hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi có chất lượng cao để khuyến khích khu vực hộ gia đình và người lao động nông thôn tự giải quyết việc làm.

c) Hàng năm lập kế hoạch, tổng hợp, dự báo nhu cầu đào tạo, nhu cầu sử dụng lao động thuộc lĩnh vực nông - lâm - thủy sản gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp đưa vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của tỉnh.

6. Sở Công Thương

a) Thực hiện các chính sách, dự án về phát triển cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp thu hút lao động vào làm việc, thực hiện tốt các Chương trình khuyến công.

b) Hàng năm, chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan lập kế hoạch, tổng hợp

dự báo nhu cầu đào tạo, nhu cầu sử dụng lao động thuộc lĩnh vực công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp đưa vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của tỉnh.

7. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh

Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Trung tâm Dịch vụ việc làm tuyên truyền chính sách lao động - việc làm và giải quyết nhu cầu học nghề, việc làm cho quân nhân là người Bình Định hoàn thành nghĩa vụ quân sự chuẩn bị xuất ngũ về địa phương tại các Quân khu, Quân đoàn.

8. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh

a) Hỗ trợ, khuyến khích các doanh nghiệp hoạt động trong khu công nghiệp, khu kinh tế nghiên cứu thị trường, tiếp tục đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ, mở rộng sản xuất kinh doanh, đa dạng hóa sản phẩm, tạo thêm việc làm và tăng thu nhập cho người lao động và thực hiện cơ chế ưu tiên tuyển dụng lao động trong tỉnh.

b) Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp thông tin về nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp trong khu công nghiệp, khu kinh tế để giới thiệu, thu hút người lao động vào làm việc.

9. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh

a) Thực hiện tốt việc tiếp nhận, thẩm định, giải ngân, thu hồi, xử lý nguồn vốn giải quyết việc làm và vốn cho vay đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (kể cả nguồn vốn trung ương và của tỉnh) theo đúng quy định và thẩm quyền. Ưu tiên hỗ trợ giải quyết cho vay đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh và người lao động để tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm.

b) Phối hợp với Sở Lao động-Thương binh và Xã hội xây dựng kế hoạch phân bổ vốn cho vay giải quyết việc làm và giao chỉ tiêu việc làm tăng thêm cho các huyện, thị xã, thành phố; giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia về việc làm.

10. Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định, Báo Bình Định

Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về lĩnh vực lao động - việc làm và dạy nghề; tổ chức tuyên truyền, đưa tin bài, ảnh; nhân rộng các điển hình tiên tiến, mô hình mới, cách làm hay hiệu quả góp phần thực hiện tốt Chương trình.

11. Các sở, ngành liên quan

a) Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và chiến lược phát triển của ngành, xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch hàng năm, kế hoạch giai đoạn, gắn với chỉ tiêu tạo việc làm, thu hút lao động và xem đó như là một trong những chỉ tiêu cơ bản của kế hoạch; tổ chức quản lý, điều hành và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để hoàn thành kế hoạch.

b) Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý thực hiện tốt việc giải quyết việc làm cho người lao động.

c) Phối hợp với các sở, ngành, địa phương đề xuất các biện pháp để ổn định việc làm, tạo việc làm tăng thêm và giải quyết những bức xúc về vấn đề việc làm của ngành mình.

d) Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về Chương trình giải quyết việc làm tỉnh Bình Định giai đoạn 2016-2020.

12. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các Hội, đoàn thể tỉnh

a) Phối hợp thực hiện công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân về ý thức học nghề, chọn ngành nghề, duy trì và phát triển ngành nghề, nhất là các ngành nghề truyền thống gắn với nội dung cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” và các phong trào thi đua yêu nước khác được phát động tại địa bàn dân cư.

b) Phát huy tính tự quản trong tham gia và quản lý tốt các chương trình, dự án được phân bổ và thực hiện có hiệu quả các chính sách liên quan đến việc làm và người lao động.

c) Phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội hướng dẫn xây dựng, tổ chức triển khai và thực hiện dự án vay vốn giải quyết việc làm.

d) Tham gia giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình ở các cấp.

13. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

a) Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giải quyết việc làm hằng năm và cả giai đoạn của địa phương phù hợp với mục tiêu Chương trình giải quyết việc làm của tỉnh giai đoạn 2016-2020, tổ chức thực hiện lồng ghép với Chương trình giảm nghèo, các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, các dự án khác để giải quyết việc làm cho người lao động của địa phương.

b) Triển khai có hiệu quả nguồn vốn vay quỹ Quốc gia về việc làm hằng năm trên địa bàn quản lý.

c) Tuyên truyền các chủ trương, chính sách của nhà nước và của tỉnh về công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng để người lao động hiểu rõ tham gia; tạo điều kiện giải quyết các thủ tục hành chính kịp thời, đồng thời phối hợp với các doanh nghiệp làm tốt công tác tuyển chọn lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng tại địa phương.

d) Hàng năm, bố trí kinh phí và tổ chức triển khai điều tra, cập nhật cơ sở dữ liệu thị trường lao động, nắm tình hình sử dụng và nhu cầu tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp; nhu cầu học nghề của lao động nông thôn trên địa bàn, tổng hợp báo cáo về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định.

e) Chỉ đạo các phòng, ban liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về lao động - việc làm.

14. Các đơn vị, cơ sở giáo dục nghề nghiệp

a) Nâng cao chất lượng đào tạo và dạy nghề gắn với giải quyết việc làm, trong đó chú trọng quan tâm đến nhu cầu của người sử dụng lao động trong tỉnh và ngoài tỉnh.

b) Phối hợp với các ngành, địa phương, doanh nghiệp, Trung tâm Dịch vụ việc làm giải quyết việc làm cho số học sinh, sinh viên tốt nghiệp ra trường.

Trên đây là Chương trình Giải quyết việc làm tỉnh Bình Định giai đoạn 2016-2020, yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, phát sinh, các cơ quan phản ánh bằng văn bản cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo đề xuất UBND tỉnh xem xét chỉ đạo./.



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Thanh